

Số: 332/BC-CCTHADS

Đăk Gle, ngày 09 tháng 11 năm 2023

**BÁO CÁO**  
**Công tác Thi hành án dân sự năm 2023**  
**Phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2024**

Thực hiện Thông báo số 25 /TB-HĐND ngày 25/10/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Đăk Gle, tỉnh Kon Tum, về Thông báo Kết luận Hội nghị liên tịch chuẩn bị nội dung kỳ họp thứ 6 HĐND huyện khóa XV, nhiệm kỳ 2021-2026.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Gle báo cáo công tác thi hành án dân sự năm 2023 và Phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2024 như sau:

**I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC**

**1. Tình hình quán triệt, triển khai thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội, Quyết định của Bộ trưởng, của Tổng cục trưởng về thực hiện chỉ tiêu nhiệm vụ năm 2023**

Nhận thức được tầm quan trọng của việc thực hiện Nghị quyết số 111/2015/QH13 của Quốc hội, Quyết định của Bộ trưởng, của Tổng cục trưởng về thực hiện chỉ tiêu nhiệm vụ năm 2023. Đơn vị đã xây dựng kế hoạch trọng tâm đề nghị và được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt kế hoạch công tác năm 2023. Trên cơ sở đó, đơn vị đã triển khai kế hoạch trọng tâm công tác của đơn vị, ban hành quyết định giao chỉ tiêu cụ thể cho từng Chấp hành viên dựa trên quyết định giao chỉ tiêu của Cục Thi hành án dân sự tỉnh.

**2. Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành**

- Đơn vị chủ động và thường xuyên chỉ đạo, điều hành nhằm triển khai thực hiện chỉ tiêu, chỉ đạo thực hiện tốt công tác rà soát, phân loại án tại đơn vị, đôn đốc Chấp hành viên tăng cường công tác giải quyết án kết hợp phổ biến, tuyên truyền pháp luật để nâng cao nhận thức trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với người dân, nhất là người dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện;

- Luôn làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, công chức. Định hướng cho cán bộ, công chức thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của cơ quan.

**3. Kết quả thi hành án dân sự**

**3.1. Việc ban hành Quyết định thi hành án; gửi Quyết định thi hành án; đình chỉ thi hành án; thu hồi, sửa đổi, bổ sung, hủy các quyết định về thi hành án**

Việc ban hành các loại quyết định về thi hành án, đơn vị đều tuân thủ theo đúng quy trình và thủ tục pháp luật đã quy định. Đồng thời cũng đã thực hiện việc gửi

các loại quyết định cho đương sự và các cơ quan có thẩm quyền đầy đủ và đúng thời hạn.

### **3.2. Kết quả rà soát, xác minh, phân loại án**

Lãnh đạo đơn vị đã chỉ đạo cán bộ, Chấp hành viên của đơn vị thường xuyên rà soát, phân loại chính xác các loại án. Chấp hành viên xây dựng kế hoạch công tác cụ thể giải quyết triệt để các vụ việc có điều kiện thi hành, tránh tình trạng khiếu nại, khiếu kiện. Đồng thời tiến hành xác minh lại các vụ việc chưa có điều kiện thi hành. Qua công tác phân loại án, đơn vị đã thi hành có hiệu quả những vụ việc có điều kiện thi hành. Đồng thời tổ chức thi hành kịp thời, đúng quy định của pháp luật về các loại việc.

### **3.3. Kết quả thi hành án dân sự về việc và tiền**

Kết quả thi hành án dân sự (tính từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/10/2023) như sau:

#### **Kết quả thi hành về việc và tiền:**

- Tổng số việc đã thụ lý là: **77 việc/ 13.257.133.000 đồng** (Số kỳ trước chuyển sang: 27 việc/8.805.715.000 đồng; số thụ lý mới: 50 việc/4.451.418.000 đồng), giảm 27 việc/ giảm 90.556.000 đồng (giảm 35,06% việc/ giảm 1,99% tiền) so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

+ Số ủy thác thi hành án: 01 việc/40.000.000 đồng;

+ Số Cục THADS rút lên thi hành: 00 việc;

- Tổng số việc phải thi hành là: **76 việc/13.217.133.000 đồng.**

#### **Trong đó:**

+ Số việc có điều kiện thi hành: 61 việc/7.043.971.000 đồng (Chiếm 80,26% việc/ 53,29% tiền so với số việc phải thi hành);

+ Số việc chưa có điều kiện thi hành: 15 việc <sup>(1)</sup> /6.173.162.000 đồng <sup>(2)</sup> (Chiếm 19,74% việc/46,71% tiền so với số việc phải thi hành).

- Đã thi hành xong hoàn toàn: 50 việc/ 2.228.788.000 đồng (trong đó: đình chỉ 04 việc/252.679.000 đồng) (Chiếm 81,97% việc/31,64% tiền trên số có điều kiện thi hành), giảm 28 việc/ tăng 1.133.980.000 đồng (giảm 35,90% việc/ tăng 104% tiền) so với cùng kỳ năm trước.

- Số việc còn tồn chuyên kỳ sau là: 26 việc/10.988.345.000 đồng, tăng/ giảm 0 việc/ tăng 6.242.804.000 đồng (0% việc/ tăng 104% tiền) so với cùng kỳ năm trước.

#### **Trong đó:**

+ Số việc có điều kiện thi hành: 11 việc/4.815.183.000 đồng.

+ Số việc chưa có điều kiện thi hành: 15 việc/6.173.162.000 đồng.

- Tổng số việc chưa có điều kiện thi hành án chuyên sang sổ theo dõi riêng là 30 việc/3.926.499.000 đồng.



### **3.4. Về thi hành án đối với các khoản thu cho Ngân sách Nhà nước (tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/10/2023).**

- Số việc phải thi hành là 19 việc, giảm 28 việc (giảm 59,57%) so với cùng kỳ năm trước (Trong đó: số kỳ trước chuyển sang: 06 việc; số thụ lý mới: 13 việc), tương ứng với số tiền là 331.540.000 đồng, giảm 162.181.000 đồng (giảm 32,85%) so với cùng kỳ năm trước (Trong đó: Số kỳ trước chuyển sang: 199.297.000 đồng; số thụ lý mới: 132.243.000 đồng),

#### **Trong đó:**

+ Số ủy thác thi hành án: 00 việc, với số tiền 00 đồng.

- Tổng số việc phải thi hành là: 19 việc, với số tiền là: 331.540.000 đồng.

#### **Trong đó:**

+ Số có điều kiện thi hành: 12 việc, với số tiền 143.263.000 đồng;

+ Số chưa có điều kiện thi hành: 07 việc, với số tiền 188.277.000 đồng.

#### **- Kết quả:**

+ Đã thi hành xong hoàn toàn 09 việc (giảm 31 việc (giảm 77,5%) so với cùng kỳ năm trước), với số tiền là 97.219.000 đồng (giảm 166.172.000 đồng (giảm 63,09%) so với cùng kỳ năm trước). Đạt tỷ lệ 75% về việc và 67,86% về tiền (Tính trên số có điều kiện thi hành).

+ Đang thi hành 03 việc, tương ứng với số tiền là 46.044.000 đồng.

<sup>(1)(2)</sup>: Lý do có 15 việc, tương ứng với số tiền 6.173.162.000 đồng chưa có điều kiện thi hành án là vì người phải thi hành án đang chấp hành án hình phạt tù; Không có thu nhập hoặc có thu nhập chỉ bảo đảm cuộc sống tối thiểu cho người phải thi hành án, người mà họ có trách nhiệm nuôi dưỡng và không có tài sản để thi hành án hoặc có tài sản nhưng giá trị tài sản chỉ đủ để thanh toán chi phí cưỡng chế thi hành án hoặc tài sản theo quy định của pháp luật không được kê biên, xử lý để thi hành án (Điểm a khoản 1 điều 44a Luật Thi hành án dân sự).

### **3.5. Về kết quả thi hành các khoản thu hồi tiền, tài sản trong các vụ án tham nhũng**

Tính đến ngày 31/10/2023, đơn vị không có vụ việc nào liên quan đến các vụ án tham nhũng. Vì vậy đơn vị cũng không có thi hành các khoản thu hồi tiền, tài sản.

### **3.6. Về tình hình giải quyết các vụ việc liên quan đến tín dụng, ngân hàng**

Tính đến ngày 31/10/2023, tổng số việc phải thi hành loại này 07 việc, tương ứng với số tiền là 3.571.905.000 đồng (chiếm 9,21% về việc và 27,02% về tiền so với tổng số việc và tiền phải thi hành).

Kết quả: trong số việc loại này, đã thi hành được 02 việc thu được số tiền là 1.890.728.000 đồng, đạt tỷ lệ 28,57% về việc và 52,93% về tiền, (tăng 02 việc (100%); tăng 1.825.728.000 đồng (tăng 2.808%) so với cùng kỳ năm 2022)

### **3.7. Bảo quản tài sản thi hành án**

Việc giao nhận, bảo quản, quản lý và xử lý vật chứng được đơn vị tiến hành tại trụ sở của cơ quan thi hành án dân sự huyện. Đơn vị luôn thực hiện tốt, theo quy trình, thủ tục và đúng theo quy định của pháp luật không để xảy ra tình trạng mất mát, hư hỏng, thất lạc tang vật.



### **3.8. Kê biên, bán đấu giá tài sản thi hành án**

Tính đến ngày 31/10/2023, tổng số vụ việc đã kê biên tài sản, định giá và bán đấu giá là 00 việc, tương ứng với số tiền là 00 đồng.

### **3.9. Về kết quả xét miễn, giảm thi hành án**

Đơn vị cũng đã phối hợp với Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân rà soát các trường hợp được xét miễn, giảm thi hành án. Tuy nhiên không có trường hợp nào đủ điều kiện để xét miễn, giảm thi hành án theo quy định.

### **3.10. Tình hình, kết quả tổ chức cưỡng chế thi hành án**

Tính đến ngày 31/10/2023, đơn vị đã ban hành 03 quyết định cưỡng chế, tăng 03 trường hợp so với cùng kỳ, do có 00 trường hợp đương sự tự nguyện thi hành án, nên thực tế số việc phải tổ chức cưỡng chế là 03 trường hợp, tăng 03 trường hợp so với cùng kỳ; số việc cưỡng chế thành công 03 việc, số việc cưỡng chế chưa thành công 00 việc.

## **4. Công tác hướng dẫn nghiệp vụ và công tác kiểm tra**

- Trong công tác xin ý kiến chỉ đạo nghiệp vụ thi hành án, đơn vị thường xuyên quán triệt đến cán bộ, Chấp hành viên phải thường xuyên nghiên cứu hồ sơ và thực hiện theo đúng quy trình, thủ tục. Vì vậy, đơn vị vẫn chưa có hồ sơ nào cần phải xin ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ của Cục Thi hành án dân sự tỉnh.

- Về kiểm tra (*kiểm tra toàn diện, kiểm tra theo chuyên đề, kiểm tra về công tác phân loại án...*): Căn cứ theo kế hoạch của Cục Thi hành án dân sự tỉnh, đơn vị đã có kế hoạch tự kiểm tra nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ thi hành án dân sự tại địa phương. Tính đến 31/10/2023 đơn vị cũng có 01 cuộc kiểm tra toàn diện của Viện kiểm sát nhân dân huyện. Qua kiểm tra đã phát hiện một số vi phạm, sai sót nhỏ, qua đó đơn vị, chấp hành viên và các bộ phận tiếp thu và kịp thời sửa chữa, rút kinh nghiệm.

## **5. Công tác tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo**

Công tác tiếp công dân được đơn vị chú trọng, thường xuyên bố trí phân công cán bộ có chuyên môn cao và có phẩm chất, đạo đức tốt thực hiện việc tiếp công dân. Vì vậy, trong thời gian qua đơn vị không nhận được đơn thư khiếu nại, tố cáo nào của công dân.

## **6. Công tác giải quyết các vụ việc thi hành án trọng điểm, các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp kéo dài**

Đơn vị không có các vụ việc thi hành án dân sự trọng điểm nào theo những tiêu chí được quy định tại Quyết định số 907/QĐ-TCTHADS ngày 29/02/2016 và cũng không có các vụ việc nào khiếu nại, tố cáo phức tạp kéo dài cần giải quyết.

## **7. Công tác bồi thường Nhà nước và bảo đảm tài chính trong lĩnh vực THADS**

Tính đến ngày 31/10/2023, đơn vị không có vụ việc nào vi phạm phải áp dụng theo luật bồi thường Nhà nước.

## **8. Công tác tổ chức cán bộ và đào tạo, bồi dưỡng**



- Về công tác tổ chức, cán bộ: Đơn vị có 07 chỉ tiêu biên chế được giao, trong đó: 03 Chấp hành viên sơ cấp (01 Chấp hành viên là Chi cục trưởng và 01 Chấp hành viên là Phó Chi cục trưởng), 01 Kế toán, 01 Thẩm tra viên và 02 hợp đồng theo Nghị định 111/202/NĐ-CP.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ: Đơn vị tiếp tục quan tâm, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức tham gia các lớp nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị.

### **9. Công tác thông kê, quản lý dữ liệu và ứng dụng CNTT**

- Công tác thông kê, báo cáo được thực hiện kịp thời, đầy đủ theo quy định của Thông tư số 01/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016 và Thông tư số 06/2019/TT-BTP ngày 21/11/2019 của Bộ Tư pháp.

- Ngay từ đầu năm, lãnh đạo đơn vị đã coi nhiệm vụ đưa CNTT vào ứng dụng trong quá trình làm việc là một mục tiêu quan trọng, nhằm nâng cao hiệu quả chuyên môn, nghiệp vụ và chỉ đạo thực hiện nhiều giải pháp nhằm đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thi hành án dân sự; tăng cường sử dụng văn bản điện tử thay thế cho các văn bản giấy trong quản lý chỉ đạo, điều hành; từng bước chuyển sang làm việc dựa trên văn bản điện tử, cập nhật thông tin thường xuyên trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp, Tổng cục Thi hành án, nhất là các trang thông tin về văn bản quy phạm pháp luật, thủ tục hành chính, hướng dẫn nghiệp vụ, hỏi đáp pháp luật...; tuân thủ các quy định về an ninh, an toàn, bảo mật thông tin trong quá trình cung cấp, cập nhật và khai thác, sử dụng thông tin trong môi trường mạng.

### **10. Việc kiến nghị người có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm đối với Bản án, quyết định theo quy định của pháp luật**

Qua việc tiếp nhận bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, đơn vị không thấy có vướng mắc gì nên không có văn bản kiến nghị người có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm.

### **11. Việc trả lời kháng nghị, kiến nghị của Viện kiểm sát; xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền; kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người vi phạm**

Đơn vị đã giải quyết triệt để các vụ việc có điều kiện thi hành, tổ chức thi hành kịp thời, đúng quy định của pháp luật, tránh tình trạng khiếu nại, khiếu kiện. Vì vậy đơn vị không có kháng nghị, kiến nghị của Viện kiểm sát; xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền; kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người vi phạm.

### **12. Công tác phối hợp với các cơ quan liên quan trong tổ chức thi hành án dân sự trên địa bàn**

Trong thời gian qua, mối quan hệ phối hợp với các cơ quan Tòa án, Viện Kiểm sát, Công an và các ngành chức năng khác cũng như chính quyền cơ sở được tăng cường, nhất là việc phối hợp thực hiện công tác xác minh, tổ chức cưỡng chế, trao đổi, bàn bạc, thống nhất hướng giải quyết những vụ việc khó khăn, vướng mắc. Đơn vị cùng các cơ quan Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân huyện thực



hiện tốt quy chế phối hợp liên ngành, đồng thời cũng đã thực hiện tốt quy chế số 14/2013/QCLN/BTP-BCA-TANDTC-VKSNDTC. Ban chỉ đạo THADS huyện hoạt động theo đúng quy định của Thông tư 05/2016/TTLT-BTP-BCA-BTC-TANDTC-VKSNDTC... đã tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan THADS hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện cũng đã tiếp tục phối hợp chặt chẽ với trại giam, trại tạm giam, cơ quan Công an trong việc thu tiền, trả lại tài sản và cấp giấy chứng nhận cho người phải thi hành án là phạm nhân đang chấp hành hình phạt tù.

### **13. Việc kiện toàn Ban chỉ đạo THADS huyện và tình hình hoạt động của Ban chỉ đạo.**

Ban chỉ đạo Thi hành án dân sự huyện Đắk Glei đã được kiện toàn theo Quyết định số 63/QĐ-BCĐ ngày 11/4/2023 và hoạt động theo quy định tại Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BTP-BCA-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 19 tháng 5 năm 2016 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Toà án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn hoạt động của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự.

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Ưu điểm**

- Được sự quan tâm chỉ đạo của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân huyện và trực tiếp là Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum.

- Công tác tổ chức thi hành án đã đạt được kết quả nhất định, công tác thu nộp, chi trả tiền thi hành án được thực hiện đầy đủ, việc quản lý, sử dụng phí thi hành án bảo đảm đúng quy định; việc tiếp công dân được thực hiện có nề nếp, bảo đảm đúng pháp luật.

- Hệ thống sổ sách về thi hành án, hồ sơ về thi hành án được lập đầy đủ, đúng trình tự theo quy định của pháp luật.

- Năng lực của đội ngũ Chấp hành viên, Thẩm tra viên, cán bộ thi hành án dân sự huyện Đắk Glei có đủ năng lực chuyên môn, có khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Trong công tác giải quyết chuyên môn và các công tác khác luôn có sự trao đổi và nghiên cứu kỹ các văn bản, vận dụng đúng quy định pháp luật trong giải quyết thi hành án nên kết quả giải quyết thi hành án đạt kết quả cao.

### **2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trên các mặt công tác**

#### **a. Tồn tại, hạn chế**

- Số vụ việc và tiền chưa có điều kiện còn khá cao;
- Công tác bảo quản tang vật còn chưa được đảm bảo.

#### **b. Nguyên nhân**

- Số án cũ và mới chưa có điều kiện không giảm.
- Kho vật chứng đơn vị chưa được xây dựng nên rất khó khăn cho việc bảo quản vật chứng, tang vật vụ án.

### **3. Khó khăn, vướng mắc**

- Phần lớn các đương sự đang chấp hành án hình phạt tù, bản thân đương sự và gia đình không có tài sản để thi hành án;
- Kho vật chứng đơn vị chưa được xây dựng nên việc bảo quản vật chứng, tang vật vụ án vẫn còn một số khó khăn.

## **III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

### **1. Phương hướng, nhiệm vụ**

- Tiếp tục tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác lãnh, chỉ đạo của lãnh đạo đơn vị đặc biệt là vai trò của người đứng đầu; Tiếp tục thực hiện tốt công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh của các cơ quan, tổ chức, công dân;
- Tăng cường công tác phối hợp với các cơ quan liên quan trong quá trình tổ chức thi hành án. Tiếp tục thực hiện quy chế phối hợp liên ngành có hiệu quả. Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính trong thi hành án dân sự. Duy trì hoạt động và nâng cao hiệu quả của Ban chỉ đạo thi hành án dân sự huyện;
- Thực hiện tốt các giải pháp để ngăn chặn, phòng ngừa tham nhũng tại đơn vị; quản lý tốt các hoạt động thu, chi liên quan đến ngân sách không để xảy ra tình trạng thu, chi trái quy định của pháp luật và phát sinh tình trạng tham nhũng;
- Thường xuyên tổ chức, phổ biến các quy định pháp luật dân sự mới cho công chức, người lao động, nhất là đội ngũ Chấp hành viên, Thẩm tra viên và thư ký thi hành án; bảo đảm áp dụng pháp luật thống nhất đồng bộ, tạo sự chuyển biến căn bản công tác thi hành án dân sự trong thời gian tới;
- Tiếp tục thực hiện tốt chỉ thị số 05/CT-TTg, ngày 16/2/2017 của thủ Tướng Chính phủ, về việc tăng cường công tác thi hành án dân sự;
- Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về thi hành án dân sự đến mọi người dân, nhất là các xã vùng sâu, vùng xa; đặc biệt chú trọng đến các biện pháp thuyết phục đương sự tự nguyện thi hành án, hạn chế tối đa việc thực hiện cưỡng chế thi hành án;
- Tập trung giải quyết triệt để các vụ việc có điều kiện thi hành, đồng thời đưa ra các giải pháp chủ yếu và có các biện pháp xử lý án tồn đọng. Tiếp tục chú trọng công tác rà soát, phân loại án, đẩy nhanh tiến độ thi hành án, giảm lượng án tồn đọng và thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định của pháp luật;
- Duy trì việc thực hiện tốt quy chế dân chủ trong hoạt động của cơ quan, quy chế tiếp dân, quy chế hoạt động công vụ và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ chính trị tại địa phương;
- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời, chính xác chế độ báo cáo thống kê định kỳ, đột xuất. Chấp hành nghiêm túc và có sự phối hợp với các ngành liên quan để thống nhất số liệu, đảm bảo kịp thời theo yêu cầu của cấp ủy, chính quyền địa phương;



- Tiếp tục nâng cao chất lượng và tập trung chỉ đạo việc tổ chức thi hành án, nhất là đối với những vụ án liên quan đến tín dụng ngân hàng;

## **2. Các giải pháp chủ yếu**

- Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục pháp luật và thông tin kịp thời các hoạt động về thi hành án dân sự;

- Xây dựng kế hoạch và chủ động phối hợp với các ngành hữu quan tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thi hành án dân sự;

- Duy trì, phát triển phong trào thi đua, gắn chặt phong trào thi đua với việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của công chức và xác định thi đua là biện pháp, động lực nâng cao hiệu quả công tác. Kịp thời nêu gương các cá nhân điển hình tiên tiến, những cách làm có hiệu quả để biểu dương, khen thưởng những cá nhân đạt thành tích tốt trong công tác;

- Tăng cường quản lý chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức thi hành án dân sự, nâng cao ý thức trách nhiệm, siết chặt kỷ cương, kỷ luật công vụ tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong lề lối làm việc của cán bộ, công chức nhất là đối với đội ngũ lãnh đạo, quản lý các cơ quan thi hành án dân sự.

## **IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

### **1. Với Hội đồng nhân dân huyện**

### **2. Với Ủy ban nhân dân huyện**

Quan tâm, kịp thời chỉ đạo các cơ quan hữu quan, phối hợp tốt trong công tác thi hành án dân sự trên địa bàn.

Trên đây là báo cáo công tác thi hành án dân sự năm 2023 và Phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glei./.

#### **Nơi nhận:**

- TTr- HĐND (b/c);
- Đại biểu HĐND huyện;
- Lưu: VT-CCTHA.

**CHI CỤC TRƯỞNG**



**Bùi Văn Vịnh**



Đơn vị báo cáo:  
 ỦY BAN THI HÀNH AN  
 DÂN SỰ  
 HUYỆN ĐẮK GLEI  
 đơn vị nhận  
 báo cáo:

**DANH SÁCH VIỆC VÀ TIỀN THI HÀNH ÁN NĂM 2023**  
 Từ 01/01/2023 đến 31/10/2023

Biểu mẫu số: 01/TKTDNH-THADS  
 Ban hành kèm theo Công văn số: /TCTHADS- ngày  
 của Tổng cục Thi hành án dân sự

| Số TT    | Số bản án, quyết định của Tòa án    | Ngày ban hành bản án, quyết định | Số quyết định thi hành án | Ngày ban hành quyết định thi hành án | Người được thi hành án | Người phải thi hành án | Số tiền, tài sản phải thi hành án | Số tiền, tài sản kỳ trước chuyển sang | Số tiền, tài sản thụ lý mới trong kỳ | Số tiền, tài sản đã thi hành án | Số tiền, tài sản còn phải thi hành án | Kết quả thi hành                |
|----------|-------------------------------------|----------------------------------|---------------------------|--------------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|
|          | 1                                   | 2                                | 3                         | 4                                    | 5                      | 6                      | 7                                 | 8                                     | 9                                    | 10                              | 11=7-10                               | 12                              |
| <b>1</b> | <b>Chi cục THADS huyện Đắk Glei</b> |                                  |                           |                                      |                        |                        | <b>13.257.132.500</b>             | <b>8.805.714.655</b>                  | <b>4.451.417.845</b>                 | <b>2.228.787.904</b>            | <b>10.988.344.596</b>                 |                                 |
| 1        | 08/2018/H SST;<br>196/2018/H SPT    | 17/04/2018<br>;<br>30/07/2018    | 55/QĐ-<br>CCTHADS         | 13/05/2019                           | NSNN                   | Ngô Quang Hoàng (Bi)   | 25.799.000                        | 25.799.000                            |                                      | 0                               | 25.799.000                            | việc chưa có điều kiện thi hành |
| 2        | 12/2022/H S-ST                      | 27/04/2022                       | 99/QĐ-<br>CCTHADS         | 23/08/2022                           | NSNN                   | Y Thị Mỹ Lệ            | 113.134.500                       | 113.134.500                           |                                      | 0                               | 113.134.500                           | việc chưa có điều kiện thi hành |
| 3        | 12/2022/H S-ST                      | 27/04/2022                       | 19/QĐ-<br>CCTHADS         | 02/12/2022                           | Lê Thị Loan            | Y Thị Mỹ Lệ            | 5.134.500.000                     | 5.134.500.000                         |                                      | 0                               | 5.134.500.000                         | việc chưa có điều kiện thi hành |
| 4        | 26/2020/H SST                       | 30/09/2020                       | 23/QĐ-<br>CCTHADS         | 01/03/2023                           | A Loan                 | Trịnh Ngọc Hạnh        | 75.000.000                        |                                       | 75.000.000                           | 0                               | 75.000.000                            | việc chưa có điều kiện thi hành |
| 5        | 26/2020/H SST                       | 30/09/2020                       | 24/QĐ-<br>CCTHADS         | 01/03/2023                           | A Hóa                  | Trịnh Ngọc Hạnh        | 75.000.000                        |                                       | 75.000.000                           | 0                               | 75.000.000                            | việc chưa có điều kiện thi hành |
| 6        | 03/2020/H SST                       | 03/06/2020                       | 58/QĐ-<br>CCTHADS         | 08/07/2020                           | NSNN                   | Lã Thị Xuân            | 21.400.000                        | 21.400.000                            |                                      | 438.429                         | 20.961.571                            | việc chưa có điều kiện thi hành |

|    |  |                               |                   |            |  |  |             |             |            |             |             |  |
|----|--|-------------------------------|-------------------|------------|--|--|-------------|-------------|------------|-------------|-------------|--|
| 7  | 07/2013/H<br>SST;<br>168/2013/H<br>SPT | 21/02/2013<br>;<br>22/04/2013 | 66/QĐ-<br>CCTHADS | 02/07/2018 | Đình Bá Thi                                    | Nghĩa (Cha<br>của Phan<br>Thanh Long)      | 86.150.000  | 86.150.000  |            | 7.850.000   | 78.300.000  | việc chưa<br>có điều<br>kiện thi<br>hành |
| 8  | 166/2017/H<br>SPT                      | 07/03/2017                    | 22/QĐ-<br>CCTHADS | 27/02/2023 | Nguyễn Thị<br>Thanh Dung                       | Ngô Thế<br>Quang Huy                       | 6.000.000   |             | 6.000.000  | 0           | 6.000.000   | việc chưa<br>có điều<br>kiện thi<br>hành |
| 9  | 01/2021/Q<br>ĐST-<br>KDTM              | 09/06/2021                    | 09/QĐ-<br>CCTHADS | 11/10/2022 | NH TMCP<br>Đầu tư và<br>Phát triển<br>Việt Nam | A Thảo                                     | 389.172.877 | 389.172.877 |            | 375.800.254 | 13.372.623  | việc chưa<br>có điều<br>kiện thi<br>hành |
| 10 | 80/2022/H<br>S-ST                      | 06/09/2022                    | 20/QĐ-<br>CCTHADS | 05/01/2023 | NSNN   | Nguyễn Thị<br>Tú Oanh                      | 1.979.000   |             | 1.979.000  | 0           | 1.979.000   | việc chưa<br>có điều<br>kiện thi<br>hành |
| 11 | 02/2021/Q<br>ĐST-DS                    | 23/04/2021                    | 02/QĐ-<br>CCTHADS | 10/10/2022 | NH TMCP<br>Đầu tư và<br>Phát triển<br>Việt Nam | Y Linh                                     | 177.916.996 | 177.916.996 |            | 156.318.751 | 21.598.245  | việc chưa<br>có điều<br>kiện thi<br>hành |
| 12 | 01/2022/Q<br>ĐST-<br>KDTM              | 16/08/2022                    | 12/QĐ-<br>CCTHADS | 17/10/2022 | NH TMCP<br>Ngoại thương<br>VN (VCB)            | A Thịnh bà Y<br>Mùa                        | 842.415.777 | 842.415.777 |            | 696.751.337 | 145.664.440 | việc chưa<br>có điều<br>kiện thi<br>hành |
| 13 | 04/2022/H<br>S-ST                      | 12/05/2022                    | 88/QĐ-<br>CCTHADS | 21/06/2022 | NSNN   | Cánh, Nhật,<br>Son, Quang                  | 16.000.000  | 16.000.000  |            | 9.000.000   | 7.000.000   | việc chưa<br>có điều<br>kiện thi<br>hành |
| 14 | 37/2022/H<br>S-ST                      | 15/04/2022                    | 48/QĐ-<br>CCTHADS | 18/07/2023 | NSNN   | Ngô Thị Minh<br>Thúy                       | 1.500.000   |             | 1.500.000  | 0           | 1.500.000   | việc chưa<br>có điều<br>kiện thi<br>hành |
| 15 | 03/2023/Q<br>ĐST-DS                    | 18/07/2023                    | 49/QĐ-<br>CCTHADS | 27/07/2023 | NSNN   | Phạm Công Lý<br>và bà Nguyễn<br>Thị Nguyệt | 17.903.000  |             | 17.903.000 | 0           | 17.903.000  | việc chưa<br>có điều<br>kiện thi<br>hành |
|    | 01/2021/K<br>DTM-ST                    | 01/07/2021                    | 10/QĐ-<br>CCTHADS | 11/10/2022 | NH TMCP<br>Đầu tư và<br>Phát triển<br>Việt Nam | A Phiêu và bà<br>Y Hòa                     | 435.449.193 | 435.449.193 |            | 0           | 435.449.193 | việc chưa<br>có điều<br>kiện thi<br>hành |
| 1  | 01/2021/K<br>DTM-ST                    | 01/07/2021                    | 10/QĐ-<br>CCTHADS | 11/10/2022 | NH TMCP<br>Đầu tư và<br>Phát triển<br>Việt Nam | A Phiêu và bà<br>Y Hòa                     | 395.252.451 | 395.252.451 |            | 0           | 395.252.451 | Đang thi<br>hành                         |





|    |                           |            |                   |            |                                  |   |             |             |  |             |   |                  |
|----|---------------------------|------------|-------------------|------------|----------------------------------|---|-------------|-------------|--|-------------|---|------------------|
| 1  | 04/2019/Q<br>ĐST-DS       | 22/08/2019 | 82/QĐ-<br>CCTHADS | 09/05/2022 | Tổng Thị<br>Ngọc Quý             | Y Thị                                       | 27.498.998  | 27.498.998  |  | 27.498.998  | 0 | Thi hành<br>xong |
| 2  | 04/2021/Q<br>ĐST-DS       | 23/6/2021  | 61/QĐ-<br>CCTHADS | 15/02/2022 | Y Mùa                            | Y Thị                                       | 180.000.000 | 180.000.000 |  | 180.000.000 | 0 | Thi hành<br>xong |
| 3  | 04/2019/Q<br>ĐST-DS       | 22/08/2019 | 15/QĐ-<br>CCTHADS | 12/10/2020 | Tổng Thị<br>Ngọc Quý             | Y Thị                                       | 31.247.502  | 31.247.502  |  | 31.247.502  | 0 | Thi hành<br>xong |
| 4  | 10/2016/H<br>SST          | 12/04/2016 | 31/QĐ-<br>CCTHADS | 20/12/2016 | A Hoi                            | Mai Châu<br>Kiên                            | 7.600.000   | 7.600.000   |  | 7.600.000   | 0 | Thi hành<br>xong |
| 5  | 02/2018/Q<br>ĐST-DS       | 27/09/2018 | 33/QĐ-<br>CCTHADS | 18/12/2018 | Đặng Thị<br>Nga                  | Nguyễn Thị<br>Tuyền                         | 63.342.174  | 63.342.174  |  | 63.342.174  | 0 | Đinh chi         |
| 6  | 08/2015/Q<br>ĐST-<br>HNGĐ | 22/07/2015 | 43/QĐ-<br>CCTHADS | 22/02/2016 | Nguyễn<br>Huỳnh Vũ               | Nguyễn Thị<br>Hong                          | 1.000.000   | 1.000.000   |  | 1.000.000   | 0 | Thi hành<br>xong |
| 7  | 03/2018/Q<br>ĐST-DS       | 04/10/2018 | 30/QĐ-<br>CCTHADS | 26/11/2018 | Y Thủy                           | Nguyễn Thị<br>Tuyền                         | 8.766.204   | 8.766.204   |  | 8.766.204   | 0 | Đinh chi         |
| 8  | 03/2018/Q<br>ĐST-DS       | 04/10/2018 | 34/QĐ-<br>CCTHADS | 18/12/2018 | Y Thủy                           | Nguyễn Thị<br>Tuyền                         | 8.766.204   | 8.766.204   |  | 8.766.204   | 0 | Đinh chi         |
| 9  | 06/2021/Q<br>ĐST-DS       | 07/09/2021 | 58/QĐ-<br>CCTHADS | 24/1/2022  | NH TMCP<br>Bưu Điện<br>Liên Việt | Đặng Đức<br>Thuân và bà<br>Dương Thị<br>Mái | 40.000.000  | 40.000.000  |  | 40.000.000  | 0 | Thi hành<br>xong |
| 10 | 01/2022/Q<br>ĐST-<br>KDTM | 16/08/2022 | 96/QĐ-<br>CCTHADS | 23/08/2022 | NSNN                             | A Thịnh và bà<br>Y Mùa                      | 18.591.238  | 18.591.238  |  | 18.591.238  | 0 | Thi hành<br>xong |
| 11 | 07/2021/Q<br>ĐST-<br>HNGĐ | 12/05/2021 | 01/QĐ-<br>CCTHADS | 10/10/2022 | Kring Quỳnh<br>Trang             | Nguyễn Hồ<br>Chí Tín                        | 36.000.000  | 36.000.000  |  | 36.000.000  | 0 | Thi hành<br>xong |



|    |                           |            |                   |            |  |                   |            |            |            |            |   |                  |
|----|---------------------------|------------|-------------------|------------|--|-------------------|------------|------------|------------|------------|---|------------------|
| 12 | 11/2021/H<br>S-ST         | 30/09/2021 | 21/QĐ-<br>CCTHADS | 12/01/2023 | Vi Quốc Tỉnh                                     |                   | 1          |            | 1          | 1          | 0 | Thi hành<br>xong |
| 13 | 01/2023/Q<br>ĐST-DS       | 27/02/2023 | 25/QĐ-<br>CCTHADS | 13/03/2023 | NSNN   | Y Hồng            | 11.609.000 |            | 11.609.000 | 11.609.000 | 0 | Thi hành<br>xong |
| 14 | 01/2023/Q<br>ĐST-DS       | 27/02/2023 | 26/QĐ-<br>CCTHADS | 13/03/2023 | NH TMCP<br>Ngoại thương<br>VN (VCB)              |                   | 11.400.000 |            | 11.400.000 | 11.400.000 | 0 | Thi hành<br>xong |
| 15 | 02/2023/H<br>S-ST         | 09/02/2023 | 29/QĐ-<br>CCTHADS | 17/03/2023 | Phùng Thị<br>Thêu                                | A Chương          | 2.000.000  |            | 2.000.000  | 2.000.000  | 0 | Thi hành<br>xong |
| 16 | 02/2023/H<br>S-ST         | 09/02/2023 | 30/QĐ-<br>CCTHADS | 20/03/2023 | Phùng Thị<br>Thêu                                | A Xuyên           | 1.000.000  |            | 1.000.000  | 1.000.000  | 0 | Thi hành<br>xong |
| 17 | 02/2023/H<br>S-ST         | 09/02/2023 | 31/QĐ-<br>CCTHADS | 20/03/2023 | Phùng Thị<br>Thêu                                | A Ngọc            | 1.000.000  |            | 1.000.000  | 1.000.000  | 0 | Thi hành<br>xong |
| 18 | 04/2021/Q<br>ĐST-<br>HNGĐ | 16/03/2021 | 27/QĐ-<br>CCTHADS | 16/03/2023 | Lê Thị Hằng                                      | Cao Duy Thao      | 24.000.000 |            | 24.000.000 | 24.000.000 | 0 | Thi hành<br>xong |
| 19 | 10/2020/Q<br>ĐST-<br>HNGĐ | 24/07/2020 | 08/QĐ-<br>CCTHADS | 10/10/2022 | Hồ Thị<br>Huỳnh Ca                               | Trịnh Anh<br>Dũng | 13.500.000 | 13.500.000 |            | 13.500.000 | 0 | Thi hành<br>xong |
| 20 | 02/2023/Q<br>ĐST-DS       | 24/03/2023 | 33/QĐ-<br>CCTHADS | 03/04/2023 | Ngân hàng<br>TMC Bưu<br>Điện Liên<br>Việt<br>Nam |                   | 5.163.000  |            | 5.163.000  | 5.163.000  | 0 | Thi hành<br>xong |
| 21 | 04/2023/Q<br>ĐST-DS       | 10/04/2022 | 35/QĐ-<br>CCTHADS | 26/04/2023 | NH TMCP<br>Đầu tư và<br>Phát triển<br>Việt Nam   |                   | 8.899.000  |            | 8.899.000  | 8.899.000  | 0 | Thi hành<br>xong |
| 22 | 05/2023/Q<br>ĐST-DS       | 10/04/2022 | 36/QĐ-<br>CCTHADS | 26/04/2023 | NH TMCP<br>Đầu tư và<br>Phát triển<br>Việt Nam   |                   | 7.200.000  |            | 7.200.000  | 7.200.000  | 0 | Thi hành<br>xong |

|    |                     |            |                   |            |   |   |            |           |            |            |   |                  |
|----|---------------------|------------|-------------------|------------|---|---|------------|-----------|------------|------------|---|------------------|
| 23 | 01/2023/Q<br>ĐST-DS | 03/04/2023 | 38/QĐ-<br>CCTHADS | 08/06/2023 | NH TMCP<br>Đầu tư và<br>Phát triển<br>Việt Nam    |   | 8.446.000  |           | 8.446.000  | 8.446.000  | 0 | Thi hành<br>xong |
| 24 | 02/2023/Q<br>ĐST-DS | 05/04/2023 | 39/QĐ-<br>CCTHADS | 08/06/2023 | NH TMCP<br>Đầu tư và<br>Phát triển<br>Việt Nam    |   | 6.666.000  |           | 6.666.000  | 6.666.000  | 0 | Thi hành<br>xong |
| 25 | 03/2023/Q<br>ĐST-DS | 06/04/2023 | 40/QĐ-<br>CCTHADS | 08/06/2023 | NH TMCP<br>Đầu tư và<br>Phát triển<br>Việt Nam    |   | 6.555.000  |           | 6.555.000  | 6.555.000  | 0 | Thi hành<br>xong |
| 26 | 03/2023/H<br>S-ST   | 05/05/2023 | 41/QĐ-<br>CCTHADS | 09/06/2023 | NSNN  | A Bin, Y Xi, Y<br>Na, A Nhôm,<br>A Blen | 48.240.000 |           | 48.240.000 | 48.240.000 | 0 | Thi hành<br>xong |
| 27 | 03/2023/H<br>S-ST   | 05/05/2023 | 42/QĐ-<br>CCTHADS | 09/06/2023 | Ban quản lý<br>rừng phòng<br>hộ huyện<br>Đắk Glai | A Bin, Y Xi, Y<br>Na, A Nhôm,<br>A Blen | 20.000.000 |           | 20.000.000 | 20.000.000 | 0 | Thi hành<br>xong |
| 28 | 04/2023/H<br>S-ST   | 10/05/2023 | 43/QĐ-<br>CCTHADS | 19/06/2023 | A Sơn   |   | 26.900.000 |           | 26.900.000 | 26.900.000 | 0 | Thi hành<br>xong |
| 29 | 04/2023/H<br>S-ST   | 10/05/2023 | 44/QĐ-<br>CCTHADS | 19/06/2023 | NSNN  | A Sơn                                   | 200.000    |           | 200.000    | 200.000    | 0 | Thi hành<br>xong |
| 30 | 06/2023/H<br>S-ST   | 10/05/2023 | 45/QĐ-<br>CCTHADS | 19/06/2023 | NSNN  | A Theo                                  | 200.000    |           | 200.000    | 200.000    | 0 | Thi hành<br>xong |
| 31 | 02/2021/Q<br>ĐST-DS | 23/04/2021 | 52/QĐ-<br>CCTHADS | 19/05/2021 | NSNN  | Y Linh                                  | 4.372.500  | 4.372.500 |            | 4.372.500  |   | Thi hành<br>xong |
| 32 | 07/2023/H<br>S-ST   | 08/06/2023 | 46/QĐ-<br>CCTHADS | 10/07/2023 | NSNN  | Ngô Thanh Vi                            | 200.000    |           | 200.000    | 200.000    |   | Thi hành<br>xong |
| 33 | 07/2023/H<br>S-ST   | 08/06/2023 | 47/QĐ-<br>CCTHADS | 10/07/2023 | Ngô Thanh<br>Vi                                   |   | 50.001     |           | 50.001     | 50.001     |   | Thi hành<br>xong |



|    |   |                               |                   |            |  |  |            |            |            |            |   |                  |
|----|---|-------------------------------|-------------------|------------|--|--|------------|------------|------------|------------|---|------------------|
| 34 | 03/2023/Q<br>ĐST-DS                         | 18/07/2023                    | 50/QĐ-<br>CCTHADS | 27/07/2023 | NH TMCP<br>Bưu Điện<br>Liên Việt           |  | 17.903.000 |            | 17.903.000 | 17.903.000 | 0 | Thi hành<br>xong |
| 35 | 25/2015/D<br>S-PT                           | 14/07/2023                    | 51/QĐ-<br>CCTHADS | 07/08/2023 | Lê Thị Lệ<br>Mỹ                            |  | 200.000    |            | 200.000    | 200.000    | 0 | Thi hành<br>xong |
| 36 | 08/2023/H<br>S-ST                           |                               | 52/QĐ-<br>CCTHADS | 21/08/2023 | NSNN                                       | Ngô Văn<br>Khánh                         | 220.000    |            | 220.000    | 220.000    | 0 | Thi hành<br>xong |
| 37 | 02/2023/Q<br>ĐST-<br>KDTM                   | 07/09/2023                    | 53/QĐ-<br>CCTHADS | 14/09/2023 | Ngân hàng<br>TMC Bưu<br>Điện Liên<br>Việt  |  | 4.077.000  |            | 4.077.000  | 4.077.000  | 0 | Thi hành<br>xong |
| 38 | 03/2023/Q<br>ĐST-<br>KDTM                   | 26/07/2023                    | 54/QĐ-<br>CCTHADS | 25/09/2023 | Ngân hàng<br>TMC Bưu<br>Điện Liên<br>Việt  |  | 4.148.000  |            | 4.148.000  | 4.148.000  | 0 | Thi hành<br>xong |
| 39 | 28/2016/Q<br>ĐST-<br>HNGĐ                   | 03/10/2016                    | 06/QĐ-<br>CCTHADS | 10/10/2022 | Võ Thị Kiều<br>Loan                        | Hoàng Mạnh<br>Trung                      | 20.000.000 | 20.000.000 |            | 20.000.000 | 0 | Thi hành<br>xong |
| 40 | 07/2018/H<br>NGĐ-<br>ST;02/2018<br>/HNGĐ PT | 29/01/2018<br>;<br>18/05/2018 | 07/QĐ-<br>CCTHADS | 10/10/2022 | Trần Thị Thu<br>Hiền                       | Nguyễn Duy<br>Hưng                       | 18.000.000 | 18.000.000 |            | 18.000.000 | 0 | Thi hành<br>xong |
| 41 | 09/2021/Q<br>ĐST-DS                         | 12/11/2021                    | 18/QĐ-<br>CCTHADS | 03/11/2022 | Lê Thị Hải                                 | Thái Đình Trí                            | 20.000.000 | 20.000.000 |            | 20.000.000 | 0 | Thi hành<br>xong |
| 42 | 04/2021/Q<br>ĐST-<br>HNGĐ                   | 16/03/2021                    | 28/QĐ-<br>CCTHADS | 16/03/2023 | Lê Thị Hằng                                | Cao Duy Thao                             | 24.000.000 |            | 24.000.000 | 24.000.000 | 0 | Thi hành<br>xong |
| 43 | 02/2023/Q<br>ĐST-<br>KDTM                   | 26/07/2023                    | 02/QĐ-<br>CCTHADS | 10/10/2023 | Ngân hàng<br>TMCP Bưu<br>Điện Liên<br>Việt |  | 32.953.081 |            | 32.953.081 | 32.953.081 | 0 | Thi hành<br>xong |
| 44 | 03/2023/Q<br>ĐST-<br>KDTM                   | 26/07/2023                    | 03/QĐ-<br>CCTHADS | 10/10/2023 | NSNN                                       | Đàm Thị Nụ<br>và ông Nguyễn<br>Văn Nghĩa | 4.148.000  |            | 4.148.000  | 4.148.000  | 0 | Thi hành<br>xong |

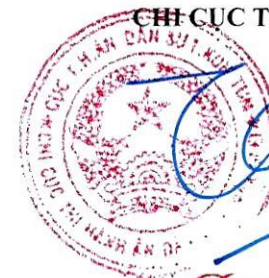
|   |   |                           |                   |            |  |  |             |  |             |             |   |  |
|---|---|---------------------------|-------------------|------------|--|--|-------------|--|-------------|-------------|---|--|
| 45  | 01/2023/Q<br>ĐST-<br>KDTM                   | 20/06/2023                | 05/QĐ-<br>CCTHADS | 10/10/2023 | Ngân hàng<br>TMCP Bưu<br>Điện Liên<br>Việt |  | 7.262.000   |  | 7.262.000   | 7.262.000   | 0 | Thi hành<br>xong                       |
| 46  | 03/2023/Q<br>ĐST-<br>KDTM                   | 26/07/2023                | 08/QĐ-<br>CCTHADS | 10/10/2023 | Ngân hàng<br>TMCP Bưu<br>Điện Liên<br>Việt | Đàm Thị Nụ<br>và ông Nguyễn<br>Văn Nghĩa | 171.805.230 |  | 171.805.230 | 171.805.230 | 0 | Đình chỉ                               |
| 47  | 04/2021/Q<br>ĐST-<br>HNGĐ                   | 16/03/2021                | 12/QĐ-<br>CCTHADS | 18/10/2023 | Lê Thị Hằng                                | Cao Duy Thao                             | 2.000.000   |  | 2.000.000   | 2.000.000   | 0 | Thi hành<br>xong                       |
| 48  | 10/2020/Q<br>ĐST-<br>HNGĐ                   | 24/07/2020                | 13/QĐ-<br>CCTHADS | 18/10/2023 | Hồ Thị<br>Huỳnh Ca                         | Trịnh Anh<br>Dũng                        | 1.500.000   |  | 1.500.000   | 1.500.000   | 0 | Thi hành<br>xong                       |
| 49  | 28/2016/Q<br>ĐST-<br>HNGĐ                   | 10/03/2016                | 14/QĐ-<br>CCTHADS | 18/10/2023 | Võ Thị Kiều<br>Loan                        | Hoàng Mạnh<br>Trung                      | 2.000.000   |  | 2.000.000   | 2.000.000   | 0 | Thi hành<br>xong                       |
| 50  | 01/2018/H<br>NGĐ-ST;<br>02/2018/H<br>NGĐ-PT | 29/01/2018<br>; 18/5/2018 | 15/QĐ-<br>CCTHADS | 18/10/2023 | Trần Thị Thu<br>Hiền                       | Nguyễn Duy<br>Hưng                       | 2.000.000   |  | 2.000.000   | 2.000.000   | 0 | Thi hành<br>xong                       |
|   |   |                           |                   |            |  |  |             |  |             |             |   |  |
| 1   | 13/2022/Q<br>ĐST-<br>HNGĐ                   | 22/08/2022                | 34/QĐ-<br>CCTHADS | 03/04/2023 | Đinh Thị Thu<br>Thao                       | Nguyễn Ngọc<br>Hùng                      | 40.000.000  |  | 40.000.000  | 0           | 0 | Cy thac<br>THA(40.00<br>0.000<br>đồng) |
| Số việc chưa có điều kiện THA còn phải xác minh là 15 việc với số tiền 6.173.161.572 đồng                     |   |                           |                   |            |  |  |             |  |             |             |   |  |
| Số việc chưa có điều kiện THA đã chuyển sổ theo dõi trong kỳ là 07 việc với số tiền 267.642.050 đồng          |   |                           |                   |            |  |  |             |  |             |             |   |  |
| Số việc chưa có điều kiện THA đã chuyển sổ theo dõi ra tiếp tục thi hành 09 việc với số tiền 232.644.584 đồng |   |                           |                   |            |  |  |             |  |             |             |   |  |
| Tổng số việc chưa có điều kiện THA đã chuyển sổ theo dõi là 30 việc với số tiền 3.926.499.312 đồng            |   |                           |                   |            |  |  |             |  |             |             |   |  |

Đắk Glei, ngày 31 tháng 10 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

*Phan Chí Thịnh*

CHI CỤC TRƯỞNG



*Đỗ Văn Minh*